

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **5535** /UBND-KTTH
V/v xác định nguồn thu NSDP
năm 2022 để thực hiện cải cách
tiền lương năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **03** tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 11143/BTC-NSNN ngày 11/10/2023 của Bộ Tài chính về việc nguồn thu NSDP năm 2022 để thực hiện CCTL năm 2023 và theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4445/STC-NS ngày 27/10/2023; UBND tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến như sau:

Trên cơ sở số liệu kết xuất trên hệ thống Tabmis đến ngày 21/8/2023 về thu ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh, dự toán Trung ương giao tại Quyết định số 2305/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ Tài chính và qua rà soát của các địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi xác định tăng thu ngân sách địa phương năm 2022 so với dự toán trung ương giao (không kể các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL) dành để tính nguồn thực hiện CCTL năm 2023 (không kể tăng thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tăng thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và tăng thu tiền bán nhà, cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước) là **10.430.429 triệu đồng**. Bộ Tài chính xác định tại Công văn số 11143/BTC-NSNN ngày 11/10/2023 là **10.538.223 triệu đồng**. Chênh lệch giảm so với Bộ Tài chính xác định là **107.794 triệu đồng** (10.538.223 triệu đồng - 10.430.429 triệu đồng), nguyên nhân:

1. Thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2022 là 28.533.544 triệu đồng; khoản thu viện trợ là 2.283 triệu đồng và khoản vay của ngân sách nhà nước là 46.953 triệu đồng được loại trừ khi xác định nguồn cải cách tiền lương.

2. Đề nghị loại trừ khoản thu hồi các khoản chi năm trước (kinh phí mua vắc xin Covid-19 của Sở Y tế nộp vào ngân sách để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ) là 11.964 triệu đồng (có chứng từ kèm theo).

3. Nguồn kết dư ngân sách cần được sử dụng theo đúng mục tiêu: 178.548 triệu đồng, phải được loại trừ khi tính nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán 2022 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 (có hồ sơ, chứng từ kèm theo), gồm:

- Nguồn cải cách tiền lương: 15.531 triệu đồng;

- Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu nộp trả NS cấp trên: 112.513 triệu đồng;

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 17.054 triệu đồng, nguồn thu này được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo đúng quy định;

- Nguồn huy động đóng góp: 23.724 triệu đồng, nguồn thu này được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình theo đúng mục đích huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi: 7.687 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí khác: 2.039 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục và Phụ biểu đính kèm).

Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm, xem xét điều chỉnh nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 của Tỉnh Quảng Ngãi như trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NSNN - Bộ Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHTien459.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục

BIỂU XÁC ĐỊNH NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI
 (Kèm theo Công văn số **5535**/UBND-KTTH ngày **03** /11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng



STT	NỘI DUNG	Số BTC xác định	Số địa phương xác định	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
A	Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022	10.823.394	10.823.394	0	
	<i>Trong đó: Tổng số các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL, gồm:</i>	<i>922.800</i>	<i>922.800</i>		
1	Thu tiền sử dụng đất	800.000	800.000	0	
2	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	95.000	95.000	0	
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	12.000	12.000	0	
4	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	9.000	9.000	0	
5	Phí BVMT đối với nước thải	6.800	6.800	0	
B	Thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2022 (không kể thu chuyên giao ngân sách các cấp và một số khoản thu không có trong công thức)	28.435.344	28.533.544	98.200	
I	Trong đó: tổng các khoản ghi thu, ghi chi và thu không cân đối được quản lý qua ngân sách nhà nước	6.589.899	6.795.893	205.994	
1	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi theo quy định của Luật đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP	5.883	5.883	0	
2	Thu hồi các khoản chi năm trước (kinh phí mua vắc xin Covid-19 của Sở Y tế)		11.964	11.964	
3	Thu viện trợ	2.283	14.623	12.340	
4	Thu từ các khoản huy động, đóng góp	38.273	38.273	0	
5	Vay của ngân sách nhà nước	46.953	50.095	3.142	
6	Thu chuyên nguồn	6.496.507	6.496.507	0	
7	Thu kết dư (Phần được loại trừ: nguồn CCTL, nguồn thu tiền sử dụng đất, khoản huy động đóng góp, nộp NS cấp trên)		178.548	178.548	<i>Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo</i>
II	Thu cân đối ngân sách địa phương còn lại (II=B-I)	21.845.445	21.737.651	-107.794	
	<i>Trong đó: Tổng số các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL, gồm:</i>	<i>1.406.628</i>	<i>1.406.628</i>		
1	Thu tiền sử dụng đất	1.163.631	1.163.631	0	
2	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	101.144	101.144	0	
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	19.007	19.007	0	
4	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã (không bao gồm thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất công tại xã)	9.715	9.715	0	
5	Thu tiền bán nhà, cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	85.333	85.333	0	
6	Ghi thu ghi chi tiền thuê đất GPMB	3.115	3.115		
7	Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	18.869	18.869	0	
8	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	5.813	5.813	0	
C	Tăng/giảm thu ngân sách địa phương năm 2022 (không kể các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL) so với dự toán năm 2022 dành để tính nguồn thực hiện CCTL năm 2023	10.538.223	10.430.429	-107.794	

**BÁO CÁO NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM 2021 HẠCH TOÁN THU NSDP NĂM 2022 ĐƯỢC LOẠI TRỪ KHI XÁC ĐỊNH
NGUỒN THỰC NĂM 2022 ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023**

Phụ biểu

(Kèm theo Công văn số 5535/UBND-KTTH ngày 03 /11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Mộ Đức	Huyện Ba Tơ	TX Đức Phổ	Thành phố Quảng Ngãi	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Nguồn cải cách tiền lương	15.531					2.012	13.519	
2	Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu nộp trả ngân sách cấp trên	112.513	3.894	28.910	124	34.890	37	44.658	
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất	17.054					37	17.017	
4	Nguồn huy động đóng góp	23.724			10.569			13.155	
5	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	7.687						7.687	
6	Nguồn kinh phí khác (nguồn kinh phí bổ sung nhiệm vụ chi sau 30/9, thu tại xã, thu từ tiền cho thuê, mua bán nhà thuộc sở hữu nhà nước...)	2.039			88		85	1.866	
TỔNG CỘNG		178.548	3.894	28.910	10.781	34.890	2.171	97.902	